VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THỊ NHẬT TÀI

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số : 62.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại: Học viện khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Lê Hồng Hạnh

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thương Huyền

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Thị Châu

Phản biện 3: PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Vào hồi……..….giờ……phút,

ngày……tháng…….năm……..

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

DANH MỤC BÀI VIẾT VÀ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Phan Thị Nhật Tài (2014), *Lao động cưỡng bức – Vấn nạn toàn cầu*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 04.
2. Phan Thị Nhật Tài -Trần Tuấn Đạt (2014), *Lao động cưỡng bức – Nghiên cứu từ góc nhìn phát triển toàn diện*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 06.
3. Phan Thị Nhật Tài (2015), *Quan điểm phát triển toàn diện về Lao động cưỡng bức*, Đề tài NCKH cấp cơ sở.
4. Phan Thị Nhật Tài (2015), *Pháp luật Việt Nam về chống Lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ bảo vệ quyền con người*, Bản tin Sở Tư pháp – TP. Đà nẵng, số 32.
5. Phan Thị Nhật Tài (2015), *Nguyên nhân và vai trò pháp luật về chống Lao động cưỡng bức*, Bản tin Sở Tư pháp – TP. Đà Nẵng, số 35.
6. Phan Thị Nhật Tài (2015), *Đánh giá hoạt động tổ chức, thực hiện pháp luật chống Lao động cưỡng bức ở Việt Nam*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 6.
7. Phan Thị Nhật Tài (2016), *Quy định về chống Lao động cưỡng bức trong các Công ước của ILO*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 08 – 09.
8. Phan Thị Nhật Tài (2016), *Thực trạng về lao động cưỡng bứcB và pháp luật về chống Lao động cưỡng bức ở một số nước và Việt Nam*, đề tài NCKH cấp cơ sở.
9. Phan Thị Nhật Tài (2016), *Một số góp ý hoàn thiện pháp luật lao động về chống lao động cưỡng bức*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 8.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Một số người cho rằng, lao động cưỡng bức (LĐCB) chỉ tồn tại ở nước nghèo, kém phát triển hay đang phát triển với những công việc bất hợp pháp, phi chính thức. Tuy nhiên, thực tế cho thấy LĐCB tồn tại ở tất cả các quốc gia và trong tất cả ngành nghề, lĩnh vực việc làm hợp pháp, chính thức hay không hợp pháp, không chính thức, với mức độ càng tinh vi khiến LĐCB đã trở thành hiện tượng mang tính "toàn cầu hóa". Việt Nam nằm trong khu vực có LĐCB chiếm nhiều nhất trên thế giới. Cụ thể: theo số liệu của ILO, trên thế giới hiện có ít nhất 12,3 triệu LĐCB, trong đó khu vực châu Á và Thái Bình Dương là 9,49 triệu lao động cưỡng bức (chiếm hơn 77%) [55, q1, tr15]. Để khắc phục tình trạng này, bên cạnh các giải pháp về kinh tế, việc sử dụng pháp luật để hạn chế và khắc phục các hậu quả của LĐCB có ý nghĩa vô cùng lớn, nhất là đối với các nước chưa có được một nền pháp quyền đúng nghĩa. Điều này đúng với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam đang đứng trước nhiều vấn đề liên quan đến pháp luật về chống LĐCB. Cụ thể là những vấn đề sau: Việt Nam có những quy định nào về chống LĐCB; nội dung của chúng có phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, với pháp luật quốc tế, những quy định nào đã trở nên bất cập? Giải pháp nào để hoàn thiện pháp luật về chống LĐCB của Việt Nam và tạo khung pháp lý phù hợp cho việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động?

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc lựa chọn nội dung: ***"Pháp luật về chống lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện"*** làm đề tài nghiên cứu là cần thiết. Để nghiên cứu thành công đề tài này, nghiên cứu sinh cần tổng quan các công trình nghiên cứu

liên quan đến pháp luật về chống LĐCB ở trong và ngoài nước, nhằm kế thừa những luận điểm, những nội dung tốt đã đạt được trong các đề tài trước đó, đồng thời bổ sung, phát triển những vấn đề chưa được các công trình nghiên cứu trước đó làm rõ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu: làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam, tìm hiểu và phân tích kinh nghiệm pháp luật các quốc gia trên thế giới, từ đó kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chống LĐCB.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: khái quát tình hình nghiên cứu; hệ thống hóa các vấn đề lý luận về chống LĐCB và pháp luật về chống LĐCB; phân tích thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam, chỉ ra những điểm mạnh và những bất cập nhìn từ quan điểm phát triển toàn diện và trong mối quan hệ so sánh với pháp luật các nước và đề xuất quan điểm và nhóm giải pháp góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng gồm các vấn đề lý luận cơ bản về quan hệ lao động cưỡng bức, về thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật chống lao động cưỡng bức hiện nay trên cơ sở lấy quan điểm phát triển toàn diện làm trọng tâm. Các văn bản pháp luật với tư cách là nguồn điều chỉnh các quan hệ này sẽ được nghiên cứu với tư cách là đối tượng chính. Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật quốc tế và một số quốc gia cũng được nghiên cứu nhằm tạo thêm góc nhìn toàn diện.

LĐCB được nghiên cứu trong Luận án là những người lao động bị cưỡng bức, bóc lột, đe dọa về quyền và lợi ích khi tham gia vào quan hệ lao động. Những chủ thể bị áp dụng hình phạt do thực hiện

hành vi vi phạm pháp luật không được xác định là nạn nhân của LĐCB đề cập trong Luận án.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn vấn đề LĐCB theo quan điểm phát triển toàn diện với phạm vi nghiên cứu là các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành điều chỉnh, trong đó tập trung chủ yếu là các chế định luật điều chỉnh về quan hệ lao động, chống LĐCB trong BLLĐ 2012, Luật phòng chống mua bán người, Luật Công đoàn, BLHS 2015, Luật TM 2005 và được mở rộng đối với pháp luật hiện hành của một số quốc gia có chọn lọc và các công ước quốc tế đang có hiệu lực trực tiếp liên quan đến LĐCB.

Về mặt thời gian, phạm vi nghiên cứu từ khi Hiến pháp 1992 được sửa đổi (2001) đến thời điểm hiện nay.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- Về mặt khoa học: luận án làm sáng tỏ, có hệ thống những lý luận về LĐCB, về những khía cạnh xã hội, kinh tế, triết lý phát triển liên quan đến LĐCB, mức độ, phạm vi và những thể chế cơ bản của pháp luật chống LĐCB ở các quốc gia và quốc tế cũng như ở Việt Nam từ góc nhìn dựa trên bản chất của LĐCB với góc nhìn đa dạng, toàn diện hơn đối với những vấn đề kinh tế, xã hội.

- Về mặt thực tiễn: luận án đưa ra một bức tranh tổng quát về thực trạng pháp luật chống LĐCB và những vấn đề cấp thiết ở nước ta nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật liên quan đến LĐCB.

- Luận án đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật như: làm rõ một số khái niệm pháp lý, bổ sung và hoàn thiện những quy định pháp luật trong việc thực hiện HĐLĐ, chỉ ra những điểm cần sửa đổi và bổ sung trong quy định pháp luật về vai trò tổ chức Công đoàn, bổ sung cơ chế chịu trách nhiệm và chế tài trong thương

mại đối với chủ thể sử dụng LĐCB, đưa ra giải pháp tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật…v.v.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất: Đóng góp về cách nhìn LĐCB từ góc độ phát triển toàn diện và từ đó góp phần tạo nên hệ thống kiến thức lý luận, quá trình nhận thức đa chiều, đầy đủ về LĐCB để hoàn thiện qui định pháp luật Việt Nam.

Thứ hai: Luận án sẽ mang lại những giá trị giúp cho người lao động, chủ thể có liên quan nâng cao nhận thức về LĐCB để chống nguy cơ bị cưỡng bức lao động, cung cấp nguồn tài liệu tham khảo quan trọng cho các cơ quan quản lý nhà nước, những người nghiên cứu khoa học, những người tham gia công tác giảng dạy và học tập pháp luật lao động nói chung và pháp luật về chống LĐCB nói riêng.

Thứ ba: Luận án đã bổ sung và đưa ra những kiến nghị, cũng như một vài giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật chống lao động cưỡng bức đối với một số quy định pháp luật lao động, pháp luật công đoàn, pháp luật thương mại, pháp luật hình sự … trên cơ sở phù hợp luật pháp quốc tế, chiến lược phát triển kinh tế xã hội đất nước giai đoạn 2011 – 2020.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục từ viết tắt, danh mục bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung Luận án được kết cấu bốn chương.

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu về pháp luật chống lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

1.1 Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

"Human Rights and Migration: Trafficking for Forced Labour". Đây là tập hợp các bài viết của nhiều tác giả về vấn đề LĐCB tại nhiều quốc gia khác nhau, nhưng hầu như tập trung vào các quốc gia châu Âu như Thụy Điển, Đức, Ba Lan...;"Thị trường lao động toàn cầu - Từ toàn cầu hóa đến sự ứng biến". Các tác giả khác trong tác phẩm "*Thị trường lao động toàn cầu – Từ toàn cầu hóa đến sự ứng biến*" tiến hành nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp định lượng thông qua việc chỉ ra mối quan hệ giữa nguồn lực lao động và hiện tượng LĐCB ngày nay. Báo cáo của ILO về "Lợi nhuận và nghèo đói: Kinh tế học về LĐCB" một bức tranh toàn cảnh về vấn đề LĐCB hiện tại. Báo cáo của ILO "Stopping forced labour and slavery-like practices - The ILO strategy" chỉ ra cưỡng bức lao động ảnh hưởng đến những người dễ bị tổn thương nhất và ít bảo vệ. "Internal Labour Migration in Myanmar: Building an evidence-base on patterns in migration, human trafficking and forced labour", đã cung cấp thông tin toàn diện và các công cụ cho phép thực hiện các cuộc điều tra quốc gia về LĐCB và buôn bán người. Bên cạnh đó còn có các bài viết như: *Report I (B): A global alliance against forced labour*; ILO (2012), *21 million people are now victims of forced labour*; ILO (2012), *Behind the figures: Faces of forced labour*; ILO (2014*), Questions and answers on forced labour*; ILO (2015), *Forced labour, Human tracfficking and salvery*; ILO (2015), *Flyer: Preventing the exploitation of workers during recruitment:*

Regulation and enforcement models; ILO (2015), *Indispensable yet unprotected: Working conditions of Indian Domestic Workers at Home and Abroad…*

1.1.2 Tình hình nghiên cứu trong nước

. Ở Việt Nam, vấn đề LĐCB mới được các học giả và nhà nghiên cứu gần đây chú ý. Vì thế sách in, đề tài, bài viết trực tiếp về LĐCB trong nước đến nay không nhiều, gồm:

- *Thứ nhất*: tài liệu lưu hành nội bộ của Vụ pháp chế Bộ LĐ-TB&XH (2007), *Một số vấn đề liên quan đến lao động cưỡng bức và xóa bỏ lao động cưỡng bức.*

- *Thứ hai*: khóa luận tốt nghiệp năm 2009 của Phạm Nữ Thanh Huyền, về *"Pháp luật Việt Nam về vấn đề lao động cưỡng bức và xóa bỏ lao động cưỡng bức*".

- *Thứ ba*: công trình của Lê Thị Hoài Thu (2012) "*Những quy định cơ bản của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức (lao động bắt buộc) và các cam kết quốc tế của Việt Nam",* đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 12/2012, trang 67.

- *Thứ 4*: luận án tiến sĩ của Phan Thị Thanh Huyền (2016) *"Điều chỉnh pháp luật lao động Việt Nam đối với lao động cưỡng bức".*

Ngoài ra có các công trình nghiên cứu gián tiếp về LĐCB vào thời gian qua như: Các công trình nghiên cứu gián tiếp về chống LĐCB từ góc nhìn quyền con người; các công trình nghiên cứu gián tiếp về LĐCB từ góc nhìn kinh tế - xã hội; các công trình nghiên cứu gián tiếp về LĐCB từ góc nhìn phát triển toàn diện

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.2.1 Những kết quả nghiên cứu mà luận án kế thừa

Về mặt lý luận: các công trình nghiên cứu trên ít nhiều đã đề cập và phân tích một số vấn đề có liên quan đến LĐCB như khái niệm LĐCB, phân loại hành vi LĐCB với tiêu chí trực tiếp và gián tiếp

trên cơ sở trọng tâm phân tích quy định Công ước 29 và Pháp luật lao động Việt Nam.

- Về mặt thực trạng pháp luật về chống LĐCB: được đề cập chủ yếu trong các báo cáo và công trình nghiên cứu của ILO. Việt Nam được đề cập đến với vị trí quốc gia trong khu vực hiện có tỷ lệ LĐCB nhiều nhất thế giới. Tuy nhiên, hầu hết ở Việt Nam, vấn đề LĐCB mới được nhìn nhận gián tiếp trong các công trình nghiên cứu có liên quan. Đến nay, có rất ít công trình trong nước nghiên cứu trực tiếp LĐCB; trong số ít đó, chỉ có một chỉ công trình nghiên cứu chuyên sâu, có quy mô gần đây nhất (2015) - luận án Tiến sĩ "Điều chỉnh pháp luật lao động Việt Nam đối với lao động cưỡng bức" của tác giả Phan Thị Thanh Huyền. Công trình này đã chỉ ra được một số chế định và văn bản quy định chi tiết thi hành BLLĐ 2012 điều chỉnh về vấn đề LĐCB, và cho thấy về cơ bản nội dung điều chỉnh của pháp luật lao động Việt Nam không xung đột với các quy định pháp luật quốc tế.

- Về giải pháp: trong các công trình gián tiếp nghiên cứu về LĐCB, cũng đã góp phần phác họa sự đa dạng về hình thái và biểu hiện của LĐCB trong thực tiễn và đưa ra một số giải pháp choi một số trường hợp cụ thể. Ở công trình nghiên cứu "Điều chỉnh pháp luật lao động Việt Nam đối với lao động cưỡng bức", tác giả cũng đưa ra được một số kiến nghị, một số giải pháp về chính sách, giải pháp nhằm tổ chức thực hiện pháp luật nhưng chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật lao động. Các kiến nghị này sẽ tiếp tục được luận án nghiên cứu kế thừa, đánh giá và trên cơ sở đó bổ sung, đưa ra những giải pháp đầy đủ hơn, toàn diện hơn nhằm chống LĐCB.

Có thể khẳng định rằng những công trình, bài báo trên là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho thí sinh hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Các công trình ít nhiều đã khai thác, đề cập đến vấn đề LĐCB ở một góc nhìn, phạm vi và nhóm đối tượng nhất định.

1.2.1 Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

- Pháp luật Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa về LĐCB mà định nghĩa về hành vi cưỡng bức lao động, cần phân tích và làm rõ hơn bởi khái niệm trên vẫn chưa thực sự được thừa nhận trong pháp luật Việt Nam.

- Xác định và làm rõ nguồn gốc, nguyên nhân, quá trình hình thành LĐCB ở Việt Nam, tội phạm liên quan đến LĐCB.

- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam.

- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam ở nội dung: Việc NLĐ tự nguyện có là dấu hiện miễn truy cứu trách nhiệm đối với người cưỡng bức lao động?

- Chủ thể sử dụng LĐCB có vi phạm pháp luật không? Tội danh là gì?

- Xu hướng quốc tế ngày nay, tăng cường trao đổi hợp tác lao động giữa các nước mở rộng. Làm thế nào để người lao động tiếp nhận được thông tin đầy đủ? Biện pháp và cơ chế để bảo vệ lợi ích công dân ở nước ngoài? Chủ thể chịu trách nhiệm liên quan, mức độ và hình thức xử phạt?

- Việt Nam đã phê chuẩn công ước năm 1930 vào năm 2007. Vì sao Việt Nam chưa thông qua Công ước 1957? Việt Nam sẽ làm gì trong thời gian tới? Đây cũng là vấn đề cần nghiên cứu dưới góc nhìn toàn diện để tìm được câu trả lời thỏa đáng.

1.3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Cở sở lý thuyết

Luận án được dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền được làm việc và lao động; các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, Luận án còn dựa trên các học thuyết về quyền con người, quyền tự do thân thể, quyền được lao động, làm việc và học tập… trong các tuyên ngôn, tuyên bố, công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam; cơ chế pháp lý của quốc tế, khu vực và quốc gia liên quan đến vấn đề LĐCB.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Với đề tài trên, các câu hỏi nghiên cứu sau đây cần được đặt ra:

1. Câu hỏi nghiên cứu đầu tiên là lý luận về lao động về LĐCB: Định nghĩa LĐCB? Đặc điểm, dấu hiệu LĐCB và tác động của LĐCB đối với sự phát triển xã hội?

2. Câu hỏi nghiên cứu thứ hai: Quan điểm phát triển toàn diện? Việc áp dụng quan điểm phát triển toàn diện vào việc nghiên cứu vấn đề LĐCB và chống LĐCB như thế nào?

3. Câu hỏi nghiên cứu thứ ba: Lĩnh vực, ngành nghề, đối tượng của LĐCB? Có phải mọi lao động quá mức đều là LĐCB?

4. Câu hỏi nghiên cứu thứ tư liên quan đến thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về LĐCB ở Việt Nam. Câu hỏi này hướng đến các vấn đề sau: Quy định pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam hiện nay như thế nào, có phù hợp và tương thích với các đòi hỏi của pháp luật quốc tế và thực tiễn phát triển đất nước không?

5. Câu hỏi nghiên cứu thứ năm là định hướng phát triển và giải pháp cho sự phát triển của pháp luật về chống LĐCB: Những đánh

giá về bối cảnh và những giải pháp nào cần hướng đến và luật hóa để đạt được hiệu quả của cuộc đấu tranh chống LĐCB ở Việt Nam?

1.3.3. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu (1): Khái niệm LĐCB trong pháp luật Việt Nam chưa được định nghĩa. Một số khái niệm liên quan đến LĐCB thì chưa tạo được sự tương thích với cách tiếp cận của pháp luật quốc tế, đặc biệt là của ILO. Do đó, Việt Nam nên ghi nhận khái niệm về LĐCB trong công ước 29, thay vì đưa ra định nghĩa mới.

Giả thuyết nghiên cứu (2): Phân loại LĐCB căn cứ vào ý chí của nạn nhân, xác định theo 02 trường hợp: LĐCB do thiếu sự đồng ý; LĐCB có sự đồng ý do bị đe dọa trừng phạt.

Giả thuyết nghiên cứu (3): Những quy định pháp luật về chống LĐCB còn tản mạn ở các văn bản khác nhau và đang bộc lộ những bất cập khi áp dụng vào điều kiện kinh tế xã hội đất nước hiện nay và giai đoạn tới.

Giả thuyết nghiên cứu (4). Việt Nam, do nhiều lý do khác nhau chưa thực sự quan tâm đến LĐCB ở khía cạnh xây dựng thể chế. Hạn chế này có khả năng bắt nguồn từ nhận thức về độ phát triển toàn diện, về cơ chế xây dựng pháp luật và chính sách hiện nay.

Giả thuyết nghiên cứu thứ (5) là việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chống LĐCB hiện đang được tiếp cận và xử lý một cách thiếu toàn diện, mang tính cục bộ.

1.3.4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Trong đó, quyền con người là tư tưởng chỉ đạo làm nền tảng và xuyên suốt. Đề tài còn về nghiên cứu bằng nhiều phương pháp, trong đó chủ yếu phương pháp phân tích đa chiều, tổng hợp, so sánh luật học, thống kê, phân tích logic.

Chương 2. Một số vấn đề lý luận của pháp luật về chống lao động cưỡng bức từ góc độ phát triển toàn diện

2.1 Khái niệm, đặc điểm và các hình thức lao động cưỡng bức phổ biến

2.1.1. Khái niệm về lao động cưỡng bức

Khái niệm "LĐCB" được định nghĩa lần đầu tiên trong Công ước về LĐCB 1930 (Công ước 29). Điều 2.1.1 của Công ước định nghĩa "LĐCB và bắt buộc" như sau "*mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị* ***ép buộc*** *phải làm dưới sự đe doạ của một hình phạt nào đó và bản thân người đó* ***không tự nguyện*** *làm*". Như vậy yếu tố "ép buộc" và "không tự nguyện" là dấu hiệu cấu thành bắt buộc để xác định nạn nhân, đối tượng của LĐCB.

Trên cơ sở đó, "*chống lao động cưỡng bức*" theo tác giả có thể định nghĩa như sau: "chống lao động cưỡng bức là việc cấm mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe doạ của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm*"* và *"chống lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện* là việc cấm mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe doạ của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm nhằm hướng đến sự chuyển đổi toàn bộ các mặt xã hội, hướng đến việc bảo đảm đời sống ấm no, hạnh phúc của con người".

2.1.2. Đặc điểm về lao động cưỡng bức

Được xác định qua dấu hiệu LĐCB, lĩnh vực và đối tượng bị LĐCB

2.1.3. Hình thức lao động cưỡng bức phổ biến

LĐCB để trả nợ, LĐCB do hậu quả của nạn buôn người, LĐCB do ép buộc để làm việc; LĐCB gắn với hệ thống các hợp đồng lao động mang tính bóc lột

2.2 Quan điểm phát triển toàn diện và nguyên nhân lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

2.2.1. Quan điểm phát triển toàn diện

Phát triển toàn diện là sự phát triển gắn với sự chuyển đổi toàn bộ các mặt xã hội, hướng đến việc đảm bảo đời sống "ấm no, hạnh phúc" của con người.

2.2.2. Nguyên nhân lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

2.2.2.1 Tình trạng đói nghèo

2.2.2.2 Ảnh hưởng và tác động cải cách kinh tế do thiếu chính sách cân đối

2.2.2.3. Di chuyển lao động thiếu chính sách bảo đảm

2.3. Tác động tiêu cực của lao động cưỡng bức

2.3.1. Về góc độ xã hội

Những tranh chấp trong lao động của người nghèo phản ánh sự tồn tại vấn đề liên quan đến quyền lợi người lao động, trong đó có không ít trường hợp LĐCB. Điều đó báo động rằng, những mâu thuẫn, bất ổn trong đời sống kinh tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng, nếu không kịp thời điều chỉnh sẽ dẫn đến những bất ổn trong đời sống chính trị và kéo theo không ít hệ lụy khác.

2.3.2. Về góc độ con người

Giữ gìn, sử dụng, bảo vệ con người – lực lượng lao động là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vì đây là nguồn tài nguyên quý giá nhất của quốc gia. Việc sử dụng hợp lý, có hiệu quả có ý nghĩa đặc biệt bởi lẽ

không có nhân lực thì không thể thực hiện bất kỳ hoạt động nào tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội.

Nhưng trên thực tế, vì đói nghèo thì người nghèo không được hưởng nền giáo dục, hạn chế tiếp cận thông tin, dễ bị lừa gạt, LĐCB và cuối cùng lại nghèo đói, hết thế hệ này đến thế hệ khác.

2.4. Pháp luật về chống lao động cưỡng bức

Pháp luật về chống lao động cưỡng bức là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc cấm mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe doạ của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm.

Pháp luật về chống lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc cấm mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe doạ của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm nhằm hướng đến sự chuyển đổi toàn bộ các mặt xã hội, hướng đến việc bảo đảm đời sống ấm no, hạnh phúc của con người.

2.4.1. Chủ thể pháp luật về chống lao động cưỡng bức

2.4.1.1. Chính phủ các nước

2.4.1.2. Các cơ quan giám sát của tổ chức ILO

2.4.1.3. Đối tượng trong quan hệ về LĐCB

2.4.2 Nội dung pháp luật chống lao động cưỡng bức

2.4.2.1. Nhóm quy phạm quy định chủ thể chống lao động cưỡng bức

2.4.2.2. Nhóm quy phạm quy định các biện pháp và hình thức chống lao động cưỡng bức

2.4.2.3. Nhóm quy phạm xử lý hành vi lao động cưỡng bức

2.5. Nguồn luật Pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở một số quốc gia

Quy định pháp luật về chống LĐCB trong các quốc gia ban hành có thể dưới một đạo luật riêng hoặc lồng ghép trong các văn bản luật điều chỉnh đến các quan hệ lao động, quan hệ việc làm, hợp đồng kinh tế, tội phạm….v.v. Ví dụ: Singapo được quy định trong Luật Lao động[149], Hàn Quốc quy định tại Luật Tiêu chuẩn lao động Hàn Quốc[146], Trung Quốc quy định trong Luật Hợp đồng lao động nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa[143], Hoa Kỳ quy định trong Luật tiêu chuẩn lao động công bằng Hoa Kỳ[151], Malaysia được quy định trong Luật lao động về trẻ em và thanh niên[144].

Ở Việt Nam hiện nay, quy định về chống LĐCB không tồn tại trong văn bản pháp luật riêng biệt, các quy định này vẫn chủ yếu nằm rải rác trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan

2.6. Vai trò của pháp luật về chống lao động cưỡng bức đối với sự phát triển của Việt Nam

Để loại bỏ và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn LĐCB cần có nỗ lực hành động của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Để đạt được điều này, các quốc gia sẽ thông qua pháp luật và các chính sách mạnh, biện pháp cứng rắng để cấm các hình thức khác nhau của LĐCB, bảo vệ nạn nhân và trừng phạt thích đáng những kẻ phạm tội, đó cũng là vai trò của pháp luật trong việc chống lại LĐCB.

2.7. Kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật về chống lao động cưỡng bức trên thế giới

2.7.1. Về xây dựng thể chế

LĐCB là một chủ đề dễ gây bức xúc, nhạy cảm đối với các quốc gia. Do đó, chính phủ các nước ít nhiều vẫn còn miễn cưỡng trong việc thừa nhận có sự tồn tại LĐCB ở chính quốc gia mình; vì vậy kết

quả điều tra, thống kê thực trạng LĐCB ở các quốc gia hầu như không được công bố rộng rãi và rất khó tìm thấy.

Hiện nay, một bước tiến rõ rệt khi các quốc gia bắt đầu sửa đổi và áp dụng Luật hình sự mới, trong đó quy định cụ thể hóa các khía cạnh LĐCB vào trực tiếp trong Luật hình sự của chính quốc gia như một tội phạm cần được trừng trị nghiêm khắc nhất như ở Nigeria, Trung Quốc, Brazil.

2.6.2. Xây dựng cơ chế tham vấn ở nơi làm việc

Quan hệ lao động là một quá trình hợp tác và tương tác giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trước tình hình tội phạm xâm hại đến quan hệ lao động nói chung và LĐCB nói riêng ngày càng phổ biến, nhu cầu đặt ra làm sao để thực thi pháp luật hiệu quả và hạn chế một cách tối đa. Không ít quốc gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế tham vấn và đối thoại dựa trên nền tảng nhân quyền và luật pháp quốc tế, có thể tham khảo một số nước như Áo, Bỉ, Pháp.

2.7.3. Xây dựng các thiết chế đại diện, trung gian và hòa giải trong quan hệ lao động

Thực tiễn quan hệ lao động trên thế giới cho thấy, không có một quốc gia nào có quan hệ lao động lành mạnh, ổn định mà không dựa trên các thiết chế về quan hệ lao động hoạt động một cách hữu hiệu và gắn kết với nhau thành một hệ thống. Ví dụ ở Anh, Đức, Đan Mạch.

2.7.4. Tổ chức thực hiện pháp luật chống lao động cưỡng bức ở một số quốc gia trên thế giới

2.7.4.1. Hoạt động thực thi pháp luật

2.7.4.2. Hoạt động trợ giúp pháp lý

2.7.4.3. Hoạt động tuyên truyền pháp luật

2.7.4.4. Hợp tác giữa các doanh nghiệp

Chương 3. Thực trạng pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

3.1. Thực trạng pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam

Việt Nam đã điều chỉnh và bãi bỏ những văn bản pháp lý không phù hợp và ban hành nhiều văn bản pháp luật để cụ thể hóa các nội dung quy định Công ước mà Việt nam là thành viên; những quy định pháp luật Việt Nam về chống LĐCB hiện hành gồm:

3.1.1.Quy định quyền được làm việc và đảm bảo thu nhập, đời sống

3.1.2. Quy định nghiêm cấm việc cưỡng bức lao động, xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động.

3.1.3. Quy định cấm những hành vi khiến người lao động rơi vào tình trạng dễ bị cưỡng bức

3.1.4. Quy định thời gian làm việc, điều kiện làm việc

3.1.5. Ban hành những quy định riêng để bảo vệ người lao động thuộc nhóm người yếu thế, lao động đặc thù

3.1.6. Quy định chế tài áp dụng đối với hành vi vi phạm trong quan hệ lao động

3.1.7. Các quy định trong pháp luật thương mại

3.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở ở Việt Nam

Thường số lượng người đi tìm việc làm nhiều hơn số lượng cơ hội việc làm sẵn có, người lao động đi tìm việc làm không có tư liệu sản xuất, nguồn lực hạn chế phải bán sức lao động, trong khi đó người sử dụng lao động có nhiều khả năng chờ đợi và lựa chon lao động hơn

và đặc biệt vì thị trường lao động với cung dồi dào thì người sử dụng lao động thường ở thế mạnh trong đàm phán.

Thực tế trên thị trường lao động Việt Nam trong thời gian qua không nằm ngoài quy luật ấy. Dù chưa có một con số thống kê chính thức về LĐCB ở Việt Nam. Trong thời gian qua, đặc biệt năm 2014, từ tháng 3 đến tháng 7, những chuyên đề, phóng sự báo tuổi trẻ đã đưa tin phản ánh, hàng loạt trường hợp vi phạm trong quan hệ lao động, thể hiện những mặt trái của thị trường lao động Việt Nam đang gia tăng đến báo động. Lừa đảo, bóc lột lao động… dưới các hình thức trá hình, trong đó có dấu hiệu LĐCB đã, đang tồn tại và ngày càng tinh vi.

3.3 Đánh giá pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

3.3.1. Những kết quả đạt được

Xét từ góc độ phát triển toàn diện, thì pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam đã đạt được những kết quả trong nguyên tắc thực hiện, xây dựng khung pháp lý, biện pháp xử lý, cơ chế bảo đảm quyền con người và hợp tác quốc tế về chống LĐCB

3.3.2 Một số vấn đề còn tồn tại

3.3.2.1. Về pháp luật chống lao động cưỡng bức

3.3.2.2. Về điều kiện thực thi pháp luật chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam

3.3.2.3. Về tổ chức thực hiện pháp luật chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam

Chương 4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam nhìn từ góc độ phát triển toàn diện

4.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chống lao động cưỡng bức

Dưới góc nhìn toàn diện thì tác giả cho rằng, sự thành công khi và chỉ khi các quốc gia biết khai thác thế mạnh, khắc phục hạn chế và đặc biệt phải có hệ thống chính sách hiệu quả, khung pháp lý phù hợp với quốc tế và thực tiễn quốc gia.

4.1.1. Khắc phục những tồn tại trong hệ thống pháp luật

Pháp luật lao động, pháp luật công đoàn, pháp luật thương mại và pháp luật hình sự hiện hành đã có những quy định bảo vệ quyền lợi NLĐ, hình thành hành lang pháp lý nhằm chống tình trạng LĐCB

Thực trạng từ hoạt động quản lý nhà nước về lao động, hoạt động hợp tác của các doanh nghiệp, hoạt động và vai trò của tổ chức công đoàn trong việc củng cố, xây dựng quan hệ lao động hài hòa giữa các bên, bảo vệ quyền lợi cho người lao động, người yếu thế cho thấy chưa hiệu quả xuất phát từ các yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Do đó, để thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ về chống LĐCB, pháp luật Việt Nam cần khắc phục những nhược điểm tồn tại trên.

4.1.2. Bảo đảm phù hợp với các công ước quốc tế nhằm tạo nền tảng vững chắc cho hội nhập quốc tế

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước 29, trong thời gian tới cần sớm xem xét, phê chuẩn và tiếp tục thể chế hóa Công ước 105, đây là giải pháp nhưng đồng thời là xu thế tất yếu của tiến trình hội nhập.

4.1.3. Bảo đảm phù hợp với trình độ phát triển và và những yếu tố xã hội đặc thù của Việt Nam

Đánh giá của UNFA về dân số cao tuổi ở Việt Nam cho biết hiện người cao tuổi ngày càng tăng về số lượng và tỷ trọng trong tổng dân số, "*Việt Nam đang phải đối mặt với nguy cơ "già trước khi giàu" khi mà tốc độ già hóa dân số tiếp tục tăng cao"* trong khi thu nhập bình quân đầu người Việt Nam chỉ mới đạt mức trung bình thấp. Đây là một thách lớn đặt ra cho Việt Nam, đòi hỏi Việt Nam cần có những chính sách, chiến lược kinh tế để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, chính sách tạo việc làm có thu nhập cao cho nhóm dân số trong độ tuổi lao động để tích lũy khi về già, nếu không sẽ dẫn theo hệ quả tạo gánh nặng chi tiêu đối với chính phủ khi có hàng triệu không có thu nhập đủ sống trong khi dân số đã già hóa.

4.1.4. Bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020

Việc thể chế hóa các đường lối chủ trương của Đảng về xây dựng đất nước trong hệ thống pháp luật nói chung, luật lao động nói riêng thu được nhiều kết quả, có vai trò quan trọng trong việc mở đường cho các QHLĐ theo thị trường hình thành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân

4.2. Giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật và một số giải pháp khác về chống lao động cưỡng bức

4.2.1. Giải pháp về pháp luật

Dưới góc nhìn toàn diện, để chống LĐCB hiệu quả, Việt Nam cần kiện toàn hệ thống pháp lý, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi, kịp thời đáp ứng yêu cầu và những thay đổi thực tiễn xã hội.

Xuất phát từ điều đó và với những vấn đề thực tiễn áp dung pháp luật về chống LĐCB ở Việt Nam đặt ra, tác giả đưa ra một số những

kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật lao động, pháp luật công đoàn, pháp luật thương mại và pháp luật hình sự.

4.2.2. Giải pháp về chính sách

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm để phát triển toàn diện là xóa đói giảm nghèo. Để thực hiện tốt điều đó, đòi hỏi chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ chính sách an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo để xây dựng lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội.

4.2.3. Giải pháp về nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật

- *Về phía cơ quan Nhà nước:* Tăng cường hiệu quả công tác thanh kiểm tra cơ quan chức năng, tăng nặng hình phạt để răn đe, phòng ngừa.

- *Về phía NLĐ:* Sự tích cực và chủ động sẽ giúp NLĐ hạn chế những trường hợp rủi ro do bị lừa gạt, tránh rơi vào bẫy NSDLĐ tạo ra khiến mình trở thành nạn nhân của LĐCB. Đặc biệt, NLĐ khi bị vi phạm cần nhanh chóng tìm cách báo với cơ quan chức năng để được nhận hỗ trợ kịp thời và cần thiết**.**

- *Về phía NSDLĐ:* Nâng cao nhận thức DN để họ hiểu rằng thực hiện tốt điều này sẽ giúp DN có được chỗ đứng lâu dài trong lòng người tiêu dùng là giải pháp cần hướng đến.

4.2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Hoạt động trợ giúp pháp lý

Tăng cường thực hiện việc xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý. Việc xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý từ nguồn lực xã hội thông qua hội luật gia, luật sư, các chuyên gia sẽ góp phần đảm bảo nhân lực hoạt động, góp phần đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý phát triển rộng rãi và hiệu quả hơn.

- Hoạt động tuyên truyền pháp luật

Thay đổi nhận thức một người, một xã hội là một quá trình, do đó hoạt động tuyên truyền pháp luật có ý nghĩa nhất định trong việc tác động thay đổi nhận thức, nâng cao hiểu biết của xã hội, của NLĐ về vấn nạn LĐCB.

- Hợp tác của các doanh nghiệp

Không một sức mạnh nào bằng sức mạnh tập thể. Vì thế, hợp của các của doanh nghiệp (bao gồm hoạt động hợp tác của các doanh nghiệp với nhau, hợp tác của chính doanh nghiệp với Nhà nước và xã hội) là một trong những biện pháp và cách thức hữu hiệu nhất để chống lại LĐCB. Việc hợp tác có thể thông qua hoạt động kiểm soát giữa các thành viên trong hiệp hội, và phản hồi đối với cơ quan chức năng khi hiệp hội nhận thấy các doanh nghiệp bên ngoài nhưng có dấu hiệu vi phạm.

KẾT LUẬN

Bà Maria Pâvilainen, chuyên gia - giảng viên của ILO về LĐCB tại buổi "***Kỹ năng đưa tin về LĐCB và buôn bán người trong doanh nghiệp***" do ILO và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Báo chí tổ chức ngày 21/9/2015 tại Hà Nội vừa qua nhận định: "Sự phát triển về kinh tế, hội nhập đã nảy sinh các vấn đề mới nhất về quan hệ lao động, nhất là về cưỡng bức lao động" [157]. Điều đó cho thấy, toàn cầu hóa kinh tế phải đi kèm việc gia tăng nhu cầu được bảo vệ của người lao động, chống lại tình trạng LĐCB đang có nguy cơ bùng phát.

"Pháp luật về chống lao động cưỡng bức nhìn từ góc độ phát triển toàn diện" là một đề tài hoàn toàn phù hợp với thực tiễn khách quan, khi mà hiện nay các công trình nghiên cứu từ góc độ đa diện, nhiều chiều để vẽ lên một bức tranh rõ nét về vấn đề LĐCB không nhiều. Tài liệu tham khảo hạn chế vì đây là vấn đề nhạy cảm, nên kết quả điều tra, thống kê thực trạng LĐCB ở các quốc gia hầu như không được công bố rộng rãi và rất khó tìm thấy. Tuy nhiên trên cơ sở dữ liệu mà tác giả tìm hiểu và nghiên cứu đối với pháp luật về chống LĐCB, đã rút ra một số kết luận sau:

1. Vấn đề quyền lợi và việc bảo vệ quyền lợi NLĐ xuất phát từ quan hệ việc làm, quan hệ lao động ngày càng phức tạp do thay đổi xã hội và thời đại khiến tình trạng LĐCB gia tăng. Thực tế rất khó xác định trong trường hợp: (1) các quyền và nghĩa vụ tương ứng của các bên liên quan không rõ ràng; (2) khi có sự cố tình che dấu quan hệ lao động, quan hệ việc làm; (3) khi có những hạn chế, kẻ hở trong hệ thống pháp luật hoặc giải thích pháp luật, áp dụng pháp luật.

2. Chống LĐCB là trách nhiệm của toàn xã hội, mọi quốc gia và chủ thể. Việt Nam muốn chống LĐCB hiệu quả cần phải thực hiện một cách đồng bộ với các giải pháp về chính sách, về pháp luật trên

cơ sở phù hợp với pháp luật quốc tế, nhưng tương thích với những yếu tố đặc thù của xã hội Việt Nam – quốc gia đang phát triển.

3. Pháp luật về chống LĐCB trên thế giới được thể hiện ở các văn bản dưới nhiều khía cạnh (vấn đề nhân quyền, về quan hệ lao động, về thương mại hàng hóa, về chống tình trạng nô lệ…v.v). Đây là nền tảng pháp lý để các quốc gia thể chế hóa vào các văn bản pháp luật mỗi nước. Ở một số quốc gia, đã có những chế định riêng biệt nhằm điều chỉnh vấn đề LĐCB, nhưng ở Việt Nam thì các quy định tồn tại rải rác và thiếu tính hệ thống, nhất quán.

4. Trong thời gian tới, chính sách cạnh tranh của TPP là đảm bảo một khuôn khổ cạnh tranh công bằng trong khu vực, thông qua quy định các nước phải duy trì các chế độ pháp lý ngăn cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh cũng như các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo làm tổn hại đến người tiêu dùng. Đây là khung pháp lý nền tảng và cơ bản trong Hiệp định TPP hướng đến thị trường thương mại hoàn hảo, không có LĐCB.

Việt Nam là thành viên ILO và đã tham gia nhiều Công ước của ILO, trong đó có những Công ước hàm chứa các nguyên tắc trong Chương lao động đang đàm phán trong TPP (bao gồm Công ước 100 về công bằng trong tiền công/tiền lương; Công ước 111 về Phân biệt đối xử về lao động và việc làm; Công ước 182 về Các hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em; Công ước 138 về Tuổi lao động tối thiểu; Công ước 29 về LĐCB; Công ước 105 về Cơ chế tham vấn ba bên), đó cũng là một thuận lợi.

5. Việt Nam vừa qua đã tiến hành những sửa đổi tổng thể pháp luật gốc về lao động, trong đó có hai văn bản quan trọng Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn. Tuy nhiên, thực tiễn và kết quả khảo sát Chương trình nghiên cứu về phát triển toàn diện của WB cũng đã chỉ rõ, nghèo đói là nguyên nhân cơ bản bắt nguồn cho mọi vấn đề xã

hội. Vì vậy khi gia nhập TPP muốn xóa bỏ LĐCB, Việt Nam cần xây dựng chính sách an sinh xã hội về việc làm, hệ thống giáo dục cần kiện toàn đi đôi với cơ chế thực thi pháp luật hiệu quả và khung pháp lý hoàn thiện. Học hỏi kinh nghiệm các nước phát triển đã thành công trong việc xây dựng thiết chế đại diện, trung gian, hòa giải; hoạt động thực thi, tuyên truyền, trợ giúp pháp lý là rất cần thiết.

1. Trước tình trạng LĐCB gia tăng với hình thức đa dạng và tinh vi, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật hiện hành và bổ sung một số quy định mới mang tính dự trù, dự liệu trong tương lai để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Tuy nhiên, cách tiếp cận về quan điểm phát triển toàn diện còn khá mới, chắc chắn sẽ có hạn chế nhất định về mặt lý luận cũng như phương thức giải quyết vấn đề; nhưng với những kết quả ban đầu đạt được, tác giả hy vọng góp một phần ý nghĩa cho các nhà hoạch định chính sách pháp luật về pháp luật chống LĐCB, nhằm hướng đến xây dựng một xã hội công bằng – dân chủ - văn minh và là tài liệu nghiên cứu, tham khảo hữu dụng đối với các học giả, đối tượng quan tâm.